

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Dữ liệu vĩ mô tích cực tháng 10 với chỉ số PMI đạt 51.8 điểm và IIP tăng 5.4% so với cùng kỳ 2019 tiếp tục hỗ trợ TTCK Việt Nam tăng điểm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tiếp tục tăng nhẹ tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu trước thềm bầu cử Mỹ

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HPG

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi đóng vị thế trading T+, NĐT được khuyến nghị tạm dừng lại quan sát, chỉ nâng tỷ trọng trở lại nếu VNIndex bứt phá thành công qua vùng cản trên với 1 phiên tăng tích cực về cuối phiên.

03/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	935.41	+0.19
VN30	902.14	+0.32
HĐTL VN30F1M	908.30	+0.48
HNXIndex	138.58	+1.25
HNX30	253.04	+0.93
UPCoM	63.14	+0.10
USD/VND	23,184	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.60	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	37.67	+2.34
Vàng (LME, \$)	1,897.18	+0.09



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 935.41 (+0.19%)
KLGD (triệu CP) 302.8 (+14.7%)
GTGD (triệu US\$) 272.0 (+18.0%)

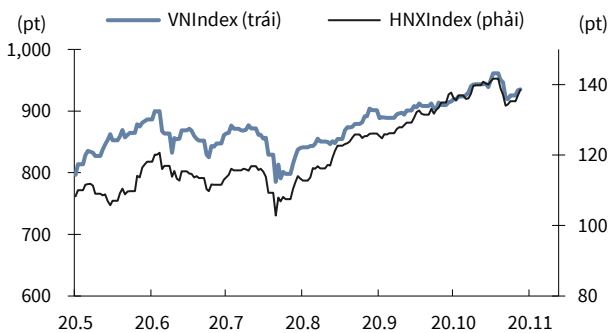
HNXIndex 138.58 (+1.25%)
KLGD (triệu CP) 36.5 (+19.1%)
GTGD (triệu US\$) 20.9 (+48.2%)

UPCoM 63.14 (+0.10%)
KLGD (triệu CP) 10.9 (-8.9%)
GTGD (triệu US\$) 5.7 (+1.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -28.7

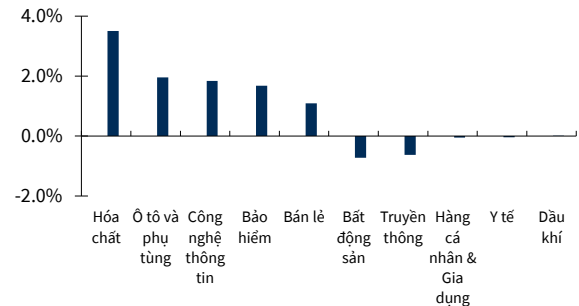
Dữ liệu vĩ mô tích cực tháng 10 với chỉ số PMI đạt 51.8 điểm và IIP tăng 5.4% so với cùng kỳ 2019 tiếp tục hỗ trợ TTCK Việt Nam tăng điểm trong phiên hôm nay. Cổ phiếu ngân hàng như MBB (+1.4%), BID (+1.3%) tiếp tục có phiên tăng giá trên diện rộng trước kỳ vọng vào đà phục hồi của nền kinh tế. Diễn biến phục hồi của giá dầu sau nhịp giảm sâu nhờ số liệu sản xuất tích cực ở Mỹ và Châu Á giúp cổ phiếu dầu khí hồi phục ở PVS (+1.5%), PVD (+1.4%). Cổ phiếu ngành hàng không giao dịch tích cực VJC (+0.6%), HVN (+1.2%) trước thông tin Quốc hội thảo luận để xem xét mở lại các đường bay thương mại quốc tế vào năm 2021 cùng gói giải pháp chính sách kích thích kinh tế lần 2 hỗ trợ doanh nghiệp khó khăn do Covid-19 trong đó tập trung ngành du lịch, lữ hành, tiêu dùng. Khả năng cao EU sẽ áp thuế đối với thủy sản từ Mỹ, tạo cơ hội cho thủy sản Việt Nam gia tăng thâm nhập thị trường này, sau khi Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ra phán quyết cho rằng Mỹ đã hỗ trợ bất hợp pháp cho hãng sản xuất máy bay Boeing, giúp cổ phiếu ngành thủy sản tăng giá ANV (+4.2%), VHC (+1%). Khối ngoại bán ròng ở MSN (-0.6%), HPG (+0.3%), VHM (-0.1%).

VNIndex & HNXIndex



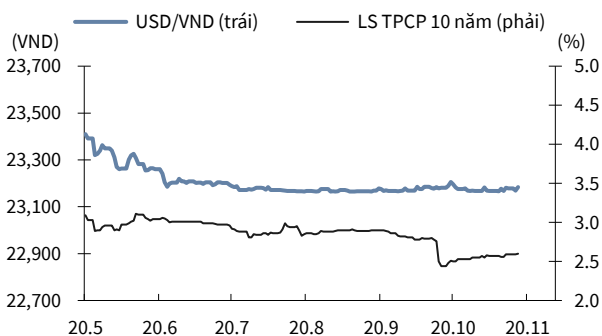
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



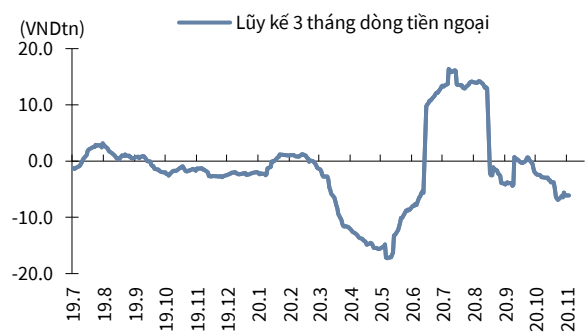
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

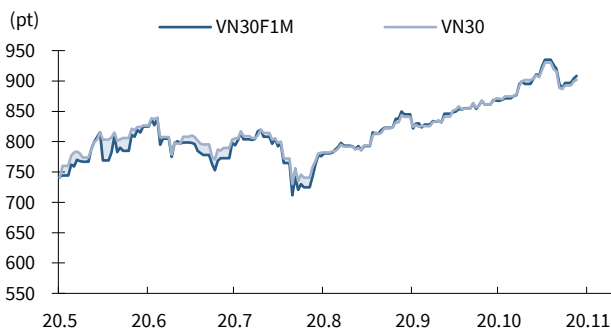
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	902.14 (+0.32%)
VN30F1M	908.3 (+0.48%)
Mở cửa	909.0
Cao nhất	910.9
Thấp nhất	903.3

HĐTL tiếp tục tăng nhẹ tương đồng với diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu trước thêm bầu cử Mỹ. Chênh lệch F2011 và Vn30 mở cửa ở mức 9.73 và giao động giằng co trong phiên quanh 3.7 và 7.5 trước khi đóng cửa ở mức 6.16. NĐTNN giao dịch trầm lắng và bán ròng nhẹ trong phiên hôm nay. Thanh khoản tiếp tục suy giảm về mức thấp trước kết quả bầu cử Mỹ.

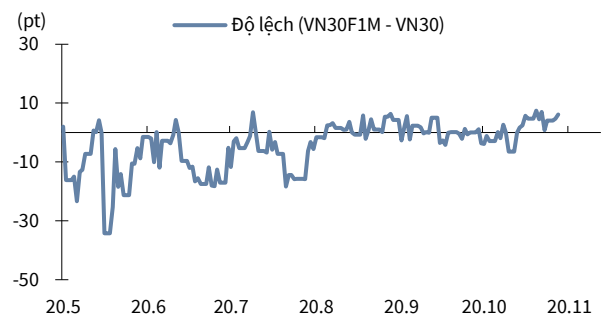
KLGD (HĐ) **117,893 (-12.5%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



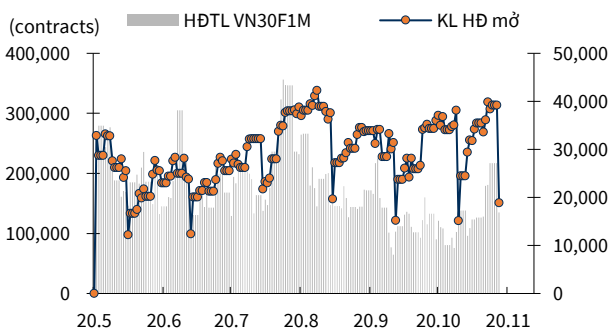
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



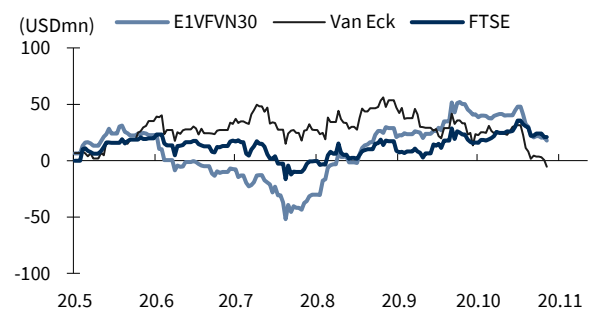
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

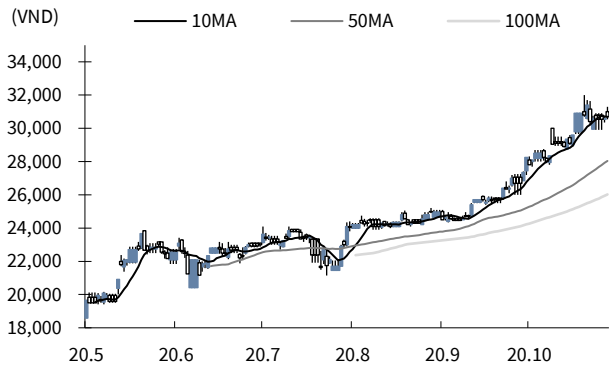
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.3% lên 30,700 VNĐ/cp.

- Theo thông tin từ HPG, sản lượng tiêu thụ tháng 10 đạt 383,000 tấn (+13% YoY và -26.6% MoM). Trong đó, phiê thép đạt 133,000 tấn (-21.8% MoM), thép thành phẩm 250,000 tấn (-29% MoM). Sản lượng sụt giảm được lý giải do ảnh hưởng của bão lũ tại miền Trung, tuy nhiên việc tiêu thụ tại miền Bắc và miền Nam vẫn có sự tăng trưởng tích cực. Xuất khẩu thép thành phẩm đạt gần 62,000 tấn, tăng gấp 4.3 lần so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, trong tháng 10 HPG sản xuất 120,000 tấn thép cuộn cán nóng (HRC) phục vụ sử dụng nội bộ.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

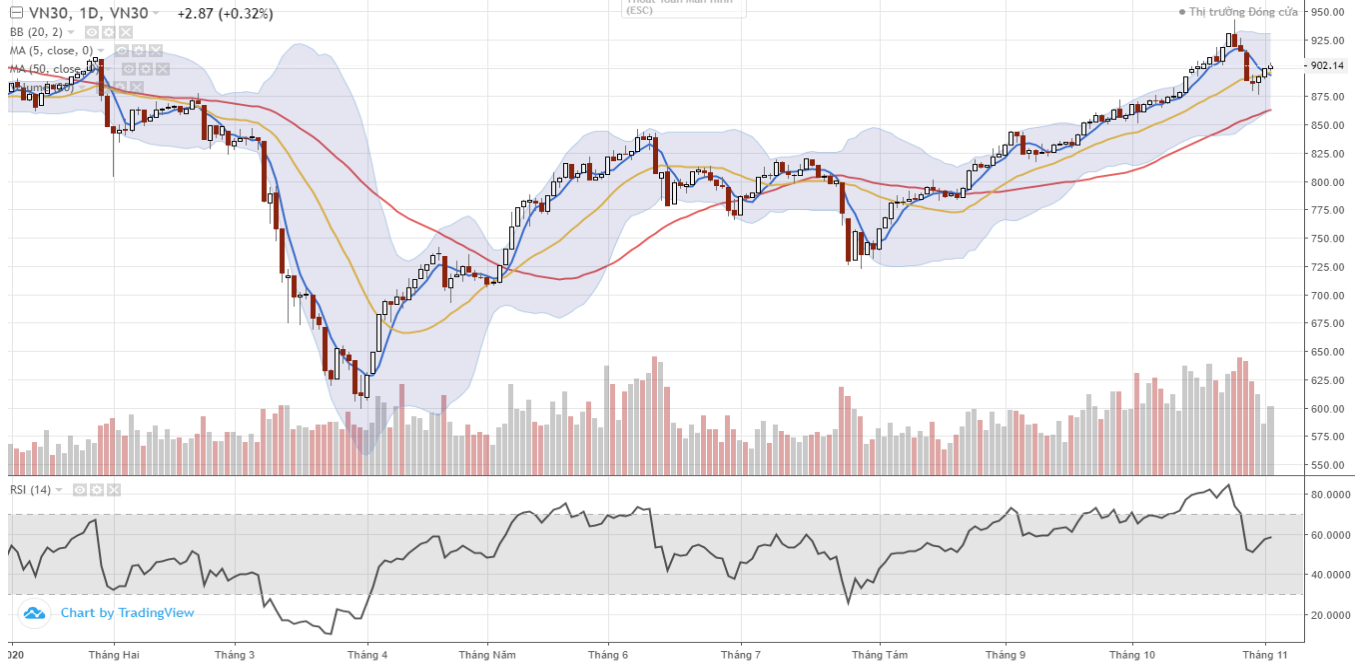
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau khi mở gap tăng đầu phiên, VNIndex diễn biến điều chỉnh giảm co trong biên độ hẹp.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số nhiều khả năng sẽ biến động mạnh khó lường do chịu ảnh hưởng từ diễn biến bầu cử Mỹ phiên ngày mai. Vùng kháng cự quanh 944 sẽ đóng vai trò then chốt cần phải vượt qua để chỉ số có thể lấy lại xu hướng tăng điềm.
- Sau khi đóng vị thế trading T+, NĐT được khuyến nghị tạm dừng lại quan sát, chỉ nâng tỷ trọng trở lại nếu VNIndex bứt phá thành công qua vùng cản trên với 1 phiên tăng tích cực về cuối phiên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 915 - 920

Kháng cự gần: 911 - 913

Hỗ trợ gần: 906 - 907

Hỗ trợ xa: 896 - 900

- F1 cũng mở gap tăng điểm đầu phiên và diễn biến giằng co sau đó, hình thành mẫu nến doji trung tính.
- F1 nhiều khả năng sẽ biến động mạnh theo diễn biến của bầu cử Mỹ phiên tới. Trong đó, vùng kháng cự 915-920 có ý nghĩa quan trọng, quyết định đến khả năng quay lại xu hướng tăng của F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều tại các vùng kháng cự/hỗ trợ nhưng bỏ qua các ngưỡng gần nếu bị xuyên thủng ngay đầu phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần vị thế SHORT khi tiếp cận vùng cản xa nhưng cần STOP và đảo ngược vị thế sang LONG nếu chỉ số bứt phá thành công qua vùng cản này.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

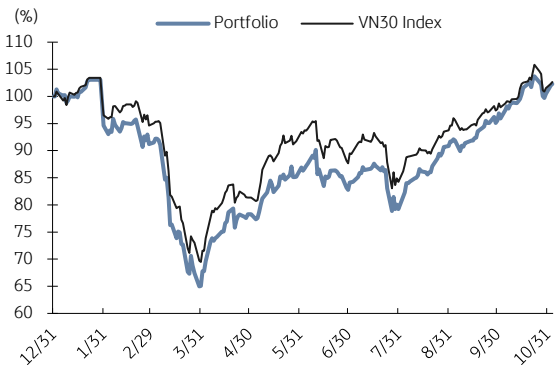
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.32%	0.29%
Tăng lũy kế (YTD)	2.63%	2.30%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	107,200	0.8%	-7.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,200	0.4%	1.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	71,000	-0.7%	-7.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,250	1.4%	-7.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ thống vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	42,200	1.6%	24.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	52,800	2.1%	37.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	30,200	-0.7%	23.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,500	0.6%	-18.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	30,700	0.3%	30.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,700	-2.8%	0.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SBT	4.4%	5.4%	11.2
GVR	6.2%	0.7%	7.4
BVH	2.0%	28.4%	6.9
IMP	-0.1%	49.4%	4.6
HSG	3.5%	9.5%	4.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-0.6%	35.9%	-211.0
HPG	0.3%	34.2%	-172.7
VHM	-0.1%	21.9%	-56.8
VRE	0.2%	30.3%	-52.9
GAS	0.7%	3.1%	-47.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	3.2%	7.4%	3.4
TNG	0.9%	8.8%	0.5
NTP	0.3%	19.0%	0.3
PHP	9.2%	0.1%	0.2
IDV	-0.6%	16.0%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SD9	-1.7%	7.8%	-2.4
SD6	-3.9%	6.8%	-2.2
AMV	0.6%	3.3%	-1.6
TAR	2.5%	0.5%	-1.2
SLS	3.1%	1.9%	-1.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	6.3%	GVR, DCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.0%	PNJ, STK
Dịch vụ tài chính	1.3%	VCI, SSI
Công nghệ thông tin	1.2%	FPT, SAM
Y tế	1.2%	IMP, DHG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-2.0%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-2.0%	TCH, DRC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.9%	GAS, POW
Tài nguyên Cơ bản	-1.9%	HPG, TTF
Ngân hàng	-1.8%	BID, TCB

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	10.8%	GVR, DCM
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.9%	PNJ, RAL
Tài nguyên Cơ bản	7.2%	HPG, HSG
Bảo hiểm	6.8%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	5.5%	MSN, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-7.5%	TCH, DRC
Truyền thông	-6.2%	AAA, PNC
Dầu khí	-4.3%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.3%	GAS, POW
Xây dựng và Vật Liệu	-3.8%	BMP, AAA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,500	360,229 (15,542)	66,287 (2.9)	22.9	58.3	42.8	19.0	6.6	8.7	4.1	3.8	0.0	1.3	13.3	-7.4
	VHM	VINHOMES JSC	75,900	249,674 (10,772)	181,661 (7.8)	27.1	9.3	8.2	35.0	38.4	31.1	2.9	2.2	-0.1	-3.3	0.0	-10.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	25,500	57,944 (2,500)	119,165 (5.1)	18.7	24.3	17.6	-2.7	8.3	11.5	2.0	1.9	0.8	-8.1	-6.6	-25.0
	NVL	NO VA LAND INVES	62,300	61,401 (2,649)	87,834 (3.8)	32.8	16.6	17.2	1.6	15.3	12.7	2.4	-	0.5	0.5	-1.9	4.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,400	13,635 (588)	18,688 (0.8)	8.4	12.5	10.4	14.9	14.1	15.6	1.6	1.4	-2.4	-0.8	0.6	-4.8
	DXG	DAT XANH GROUP	11,750	6,090 (263)	69,506 (3.0)	13.2	13.5	5.6	-43.3	3.6	14.5	0.8	0.6	2.2	-0.4	14.1	-19.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,800	318,222 (13,729)	82,937 (3.6)	6.4	19.6	16.9	10.3	19.3	18.5	3.3	2.8	3.4	-0.2	2.1	-4.9
	BID	BANK FOR INVESTM	38,900	156,457 (6,750)	99,634 (4.3)	12.6	24.8	17.4	-5.3	9.3	11.8	1.9	1.7	1.0	-5.1	-4.3	-15.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,400	74,903 (3,232)	537,601 (23.2)	0.0	7.2	6.2	4.1	15.5	15.4	1.0	0.9	0.2	-8.4	-5.1	-9.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	30,400	113,191 (4,884)	277,328 (12.0)	0.6	15.2	12.6	18.7	10.6	11.9	1.4	1.3	4.8	-0.3	12.8	45.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,800	58,018 (2,503)	189,418 (8.2)	0.3	7.1	6.4	5.4	17.8	16.0	1.2	1.0	0.8	-2.1	0.6	19.0
	MBB	MILITARY COMMERC	18,000	49,917 (2,154)	127,575 (5.5)	0.0	6.7	5.7	8.8	18.0	17.5	1.1	0.9	1.1	-2.2	4.3	-0.5
	HDB	HDBANK	24,400	30,639 (1,322)	41,960 (1.8)	1.6	7.6	6.7	20.3	19.1	18.5	1.4	1.2	0.8	-2.4	-1.2	15.1
	STB	SACOMBANK	13,450	24,259 (1,047)	256,955 (11.1)	14.4	12.7	9.7	16.4	10.4	9.2	0.9	0.8	1.1	-4.6	0.0	33.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,100	18,863 (814)	64,602 (2.8)	0.0	6.3	5.1	29.4	22.4	20.3	1.2	0.9	1.3	-3.8	-7.0	9.7
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,200	21,146 (912)	7,024 (0.3)	0.0	37.0	35.5	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.0	-0.6	1.2	-3.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	51,000	37,858 (1,633)	69,946 (3.0)	20.6	31.0	26.2	2.6	6.3	7.7	1.9	1.9	1.0	-5.4	5.2	-25.7
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,800	2,448 (106)	6,643 (0.3)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.0	1.1	-3.1	-6.0	8.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,150	10,306 (445)	91,133 (3.9)	50.1	11.6	10.6	-15.9	9.2	9.7	-	-	0.3	-2.6	-3.4	10.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	38,500	6,376 (275)	41,278 (1.8)	73.0	-	-	-	-	-	-	-	4.3	7.5	22.2	30.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	21,200	6,467 (279)	59,377 (2.6)	51.3	-	-	-	-	-	-	-	2.4	-3.2	-2.8	-0.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,300	3,190 (138)	21,558 (0.9)	16.3	-	-	-	-	-	-	-	3.4	-1.9	7.4	6.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,600	224,846 (9,701)	187,742 (8.1)	50.3	21.8	20.1	7.1	38.1	37.8	7.7	7.0	-0.4	-2.6	-0.4	10.8
	SAB	SAIGON BEER ALCO	185,500	118,958 (5,132)	20,633 (0.9)	36.9	27.9	23.6	1.8	22.3	25.0	5.8	5.1	0.7	0.3	0.5	-18.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	84,500	99,261 (4,283)	356,305 (15.4)	13.1	113.7	43.0	-59.5	2.3	5.9	3.1	3.0	0.6	-3.9	56.2	49.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,000	12,194 (526)	21,875 (0.9)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	0.5	-5.6	-7.6	-20.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	104,900	54,951 (2,371)	49,058 (2.1)	12.5	-	13.3	-91.0	7.0	25.0	3.4	2.8	3.7	0.4	0.0	-28.2
	GMD	GEMADEPT CORP	23,050	6,844 (295)	12,700 (0.5)	0.0	17.2	14.8	-53.8	6.7	7.5	1.1	1.1	-1.7	-1.9	-4.8	-1.1
	CII	HO CHI MINH CITY	16,350	3,905 (168)	36,960 (1.6)	37.7	8.2	7.6	142.2	9.6	9.4	0.7	0.7	-0.6	-3.8	13.5	-27.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,250	1,277 (055)	21,160 (0.9)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	2.3	-0.4	4.2	-87.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,050	8,953 (386)	151,169 (6.5)	35.6	23.3	10.0	-20.9	10.5	13.6	-	-	0.3	-7.1	19.6	-1.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	56,500	4,311 (186)	88,897 (3.8)	2.4	6.9	7.4	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	0.2	0.0	17.8	10.1
	REE	REE	41,550	12,883 (556)	18,211 (0.8)	0.0	8.2	6.9	-8.8	13.9	15.2	1.1	1.0	-0.8	-0.8	3.5	14.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	69,700	133,402 (5,756)	71,869 (3.1)	45.9	17.1	14.1	-14.4	16.4	18.4	2.6	2.5	-1.0	-3.2	-3.1	-25.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,500	6,477 (279)	4,159 (0.2)	29.7	9.7	9.3	-5.7	16.1	17.1	1.6	1.5	-0.9	0.4	-3.0	3.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,700	7,278 (314)	4,282 (0.2)	33.4	8.3	7.6	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	0.4	-1.5	-3.8	-15.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	30,600	101,386 (4,374)	509,031 (22.0)	14.8	9.5	7.7	11.6	20.1	20.4	1.8	1.5	0.2	-0.6	14.6	56.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,150	6,711 (290)	39,218 (1.7)	37.1	10.7	11.2	2.3	9.0	8.3	0.8	0.8	5.5	1.2	-0.6	32.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,700	6,723 (290)	42,447 (1.8)	45.3	15.5	19.0	-14.4	7.6	6.2	-	-	6.7	1.2	8.5	95.4
	HSG	HOA SEN GROUP	15,950	7,087 (306)	171,106 (7.4)	39.5	8.3	7.8	71.2	13.0	12.2	-	-	6.3	4.6	3.2	114.4
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,000	2,439 (105)	19,426 (0.8)	97.7	5.9	6.7	39.3	13.3	10.5	0.6	0.5	0.9	-4.8	-4.9	-9.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	48,350	58,930 (2,542)	15,688 (0.7)	4.0	49.2	16.6	-41.4	5.4	15.3	2.4	2.1	-1.3	-3.3	-4.4	-13.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,750	4,527 (195)	65,877 (2.8)	39.8	41.2	35.0	-14.7	0.9	1.2	0.3	0.3	-0.9	-2.3	-6.9	-28.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,400	3,771 (163)	31,228 (1.3)	31.5	8.6	7.3	-16.1	9.3	10.3	0.7	0.7	1.9	0.4	-5.0	-20.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	106,400	48,157 (2,078)	96,421 (4.2)	0.0	13.0	9.8	10.5	26.6	28.2	3.2	2.5	1.6	-3.3	2.3	-6.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	71,500	16,096 (694)	71,593 (3.1)	0.0	17.9	14.9	-0.8	20.4	22.9	3.2	2.9	2.9	3.6	17.2	-16.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,800	1,401 (060)	1,314 (0.1)	69.4	18.8	13.7	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-0.2	0.0	-6.3	21.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,000	1,659 (072)	12,091 (0.5)	13.2	14.0	9.9	-48.5	6.8	12.1	1.1	1.0	0.7	-8.3	-	12.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	56,300	7,629 (329)	49,740 (2.1)	36.6	7.8	7.2	24.4	35.7	31.2	2.5	2.2	2.2	-0.4	-2.6	47.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,900	13,585 (586)	334 (0.0)	45.2	20.0	18.4	8.0	20.7	20.1	3.8	3.6	1.9	0.9	-1.9	13.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,100	5,258 (227)	234 (0.0)	37.9	14.9	-	7.3	16.4	-	2.4	-	1.2	0.0	2.0	29.1
IT	FPT	FPT CORP	51,700	40,528 (1,749)	123,698 (5.3)	0.0	11.6	10.1	20.0	22.6	23.5	2.4	2.2	0.4	-2.1	2.8	2.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.